TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/KDTM- PT.
Ngày 12/5/2022.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh và bà Ngô Tuyết Băng.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Huyền-Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: bà Nguyễn Thị Kim Thanh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 122/2021/KTPT ngày 05/7/2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2021/KDTM-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXX- PT ngày 04/10/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2022/QĐPT-KDTM ngày 26/4/2022, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP …….**

Trụ sở: ……..TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quang D- Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Hồng V (Văn bản ủy quyền số 567/UQ- ….- PC ngày 15/10/2021). Người được ủy quyền lại: ông Hà Đức T (Văn bản ủy quyền số 150/UQ- HAN- KHDN ngày 16/12/2021). Ông T có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Công ty cổ phần ….**

Trụ sở: ….. TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: bà Vũ Thị Minh N- Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Diệu L (Văn bản số 102 ngày 10/5/2022)**.** Bà Linh có mặt tại phiên tòa.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn Thi- Công ty Luật TNHH Brandco. Ông Thi vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Huỳnh Đăng H**, sinh năm 1937;

- Bà **Trần Cẩm H**, sinh năm 1946;

Cùng trú tại:: Phường ……., quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

- Ông **Vũ Tiến T**, sinh năm 1944;

- Bà **Đào Tú K**, sinh năm 1938;

Cùng trú tại: ……. đường Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

- Bà **Vũ Thị Minh N**, sinh năm 1972;

Trú tại: …… Trung Tự, phường Trung Tự, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

- **Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi ……..**

Trụ sở: …… TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: bà Vũ Thị Minh N- Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: bà Doãn Thị T (Hợp đồng ủy quyền số 02/2021/HĐUQ ngày 12/4/2021). Bà Thủy có mặt tại phiên tòa.

- **Công ty cổ phần giống gia cầm …….**

Trụ sở: …….. Chương Mỹ, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hữu T- Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: bà Doãn Thị T Hợp đồng ủy quyền số 03/2021/HĐUQ ngày 12/4/2021). Bà Thủy có mặt tại phiên tòa.

- **Công ty TNHH ĐTK ……..**

Trụ sở: …… tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: bà Vũ Thị Minh N- Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: bà Doãn Thị T. Hợp đồng ủy quyền số 01/2021/HĐUQ ngày 12/4/2021). Bà T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai của Ngân hàng TMCP ……. trình bày:

Ngày 22/12/2015, Ngân hàng TMCP ……. - chi nhánh Hà Nội (sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty cổ phần….. (sau đây gọi là bị đơn) ký các Hợp đồng tín dụng trong năm 2015, 2016 cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2016/….. ngày 16/9/2016 và các Hợp đồng bổ sung. Căn cứ thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, tổng hạn mức cho vay là 270 tỷ đồng sau đó điều chỉnh tăng lên thành 300 tỷ đồng. Thời hạn vay tối đa là 04 tháng kể từ ngày nguyên đơn giải ngân vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ;

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 01/15/TH/……. ngày 15/5/2015 và các Phụ lục. Hình thức cho vay đầu tư dự án, tổng số tiền vay là 1.611.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên đến khi trả hết nợ;

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 02/15/TH/…… ngày 19/6/2015 và các phụ lục. Hình thức cho vay đầu tư dự án, tổng số tiền vay là 1.060.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên đến khi trả hết nợ;

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 03/15/TH/…… ngày 04/12/2015 và các Phụ lục. Hình thức cho vay đầu tư dự án, tổng số tiền vay là 1.280.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên đến khi trả hết nợ.

Tài sản đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng nêu trên gồm có:

- Căn hộ ……., khu đô thị Mỹ Đình, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/14/TC/NHNT.HN-……. ngày 26/12/2014. Chủ sở hữu tài sản là bị đơn theo GCNQSDĐ số …….. do UBND TP Hà Nội cấp ngày 09/10/2014;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất ……..phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/09/HDTC/……. ngày 02/11/2009. Chủ sở hữu tài sản là ông Huỳnh Đăng H và bà Trần Cẩm H, theo GCNQSDĐ số …… do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 26/12/2003;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ …… đường Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, theo Hợp đồng thế chấp số 01/10/HĐTC/NHNTHN-DTK ngày 15/9/2010. Chủ sở hữu tài sản là ông Vũ Tiến và bà Đào Tú K, theo GCNQSDĐ số ……. do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 09/12/2009;

- 03 chiếc ô tô hiệu Toyota Hilux, BKS ……., Giấy chứng nhận đăng ký xe số …….; BKS: …….., Giấy chứng nhận đăng ký xe số ……; BKS …… Giấy chứng nhận đăng ký xe số …….;

- 02 chiếc ô tô tải hiệu TMT, BKS …….24, Giấy chứng nhận đăng ký xe số ……42; BKS ……..16, Giấy chứng nhận đăng ký xe số ……39;

- 01 chiếc ô tô hiệu Camry, BKS ……..71, Giấy chứng nhận đăng ký xe số ……49;

- Toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của bà Vũ Thị Minh N tại bị đơn và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 03/2017/HĐTC/CP/…… ngày 26/10/2017, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số ……./003 do Bị đơn cấp ngày 19/7/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 27/10/2017;

- Toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của bị đơn tại Công ty TNHH ……..và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 01.2018/HĐTC/PVG/……. ngày 11/01/2018. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 12/01/2018;

- 2.853.440 cổ phần thuộc sở hữu của bị đơn tại Công ty cổ phần giống gia cầm ……. và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/HĐTC/CP/…….. ngày 27/10/2017, theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ngày 04/11/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 02/11/2017;

- 4.170.487 cổ phần thuộc sở hữu của bị đơn tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi …… và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số

01/2017/HĐTC/CP/…… ngày 27/10/2017, theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 37 ngày 14/3/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 27/10/2017;

- 3.640.877 cổ phần thuộc sở hữu của bị đơn tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi ……và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 02/2017/HĐTC/PVG/…… ngày 27/10/2017, theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ngày 04/11/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 27/10/2017. Theo thứ tự ưu tiên thanh toán xác định theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch đảm bảo. Tài sản này đã thế chấp tại ……. chi nhánh Đông Đô.

Tại Công văn số 2523/HAN-KHDN1 ngày 14/12/2020, nguyên đơn có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, không xem xét đến tài sản thế chấp là các động sản (toàn bộ số ô tô).

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng bị đơn đã thanh toán một phần khoản nợ cho nguyên đơn. Sau đó bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn đã chuyển khoản nợ của bị đơn sang khoản nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 10/3/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 319.780.772.465 đồng,trong đó nợ gốc là 241.164.464.324 đồng, lãi trong hạn là 61.742.085.832 đồng, lãi quá hạn là 16.874.222.309 đồng. Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là các bất bộng sản, số cổ phần của bà Vũ Thị Minh N, số cổ phần của bị đơn đã thế chấp.

Bị đơn do người đại diện hợp pháp trình bày:

Bị đơn là khách hàng lâu năm của nguyên đơn. Sau khi ký hợp đồng bị đơn được nguyên đơn giải ngân đúng như phía nguyên đơn trình bày.

Để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn số cổ phần của bị đơn tại các Công ty con, tài sản của bị đơn. Ngoài ra, còn 02 bất động sản do người khác bảo lãnh cho bị đơn. Tính đến nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 319.780.772.465 đồng, bị đơn không có thắc mắc gì.

Bị đơn có quan điểm là trong năm 2021, bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn một số tiền để giải chấp 01 tài sản là bất động sản. Trong năm 2022, bị đơn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn để giải chấp các tài sản thế chấp khác. Đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn về thời gian và miễn, giảm các khoản lãi.

Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi …… do người đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi …… xác nhận về số cổ phần hiện đang sở hữu của bị đơn là 7.811.364 cổ phần. Việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp cổ phần mà bị đơn đã ký kết hợp pháp với các tổ chức tín dụng, Công

ty cổ phần thức ăn chăn nuôi …… không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Công ty cổ phần giống gia cầm ……. do người đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty cổ phần giống gia cầm …… xác nhận về số cổ phần hiện đang sở hữu của bị đơn là 2.853.440 cổ phần. Việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp cổ phần mà bị đơn đã ký kết hợp pháp với các tổ chức tín dụng, Công ty cổ phần giống gia cầm …… không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Công ty TNHH ……. do người đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty TNHH …….. xác nhận về số vốn góp của bị đơn là 155 tỷ đồng. Việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp cổ phần mà bị đơn đã ký kết hợp pháp với các tổ chức tín dụng, Công ty TNHH …… không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Minh N trình bày:

Hiện nay bà Vũ Thị Minh N đang có tại bị đơn 2.594.700 cổ phần, trường hợp bị đơn không thực hiện việc trả nợ thì bà Vũ Thị Minh N sẽ dùng số cổ phần đang có của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng Hợp đồng thế chấp đã ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Đăng H, bà Trần Cẩm H trình bày:

Ông H, bà Hlà chủ sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa số ……theo GCNQSDĐ số ……..63 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 26/12/2003. Ông H, bà H đã dùng tài sản trên để bảo lãnh cho nghĩa vụ của bị đơn. Nay ông Hy, bà Huệ đồng ý cho bị đơn sử dụng tài sản, cùng nguyên đơn tất toán khoản vay, giải chấp quyền sử dụng đất và trả lại GCNQSDĐ cho ông H, bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Tiến T, bà Đào Tú K trình bày:

Chúng tôi đã dùng quyền sử dụng đất của mình để bảo lãnh cho nghĩa vụ vay nợ của bị đơn tại nguyên đơn. Chúng tôi muốn bị đơn cố gắng thu xếp thương lượng, hòa giải với nguyên đơn để có thể tất toán khoản vay, giải chấp, trả lại nhà, đất cho chúng tôi. Mong nguyên đơn tạo điều kiện cho chúng tôi vì chúng tôi tuổi già, đây là nơi ở duy nhất của chúng tôi.

Tại Bản án sơ thẩm số 10/2021/KDTM- ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 323.503.748.877 đồng, trong đó nợ gốc là 241.164.464.324 đồng, nợ lãi trong hạn là 64.756.641.633 đồng, lãi quá hạn là 17.582.642.920 đồng (tính đến ngày 28/4/2021).

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được quy định trong các Hợp đồng tín dụng theo hạn mức, Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư đã ký với nguyên đơn.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

- Căn hộ …….khu đô thị Mỹ Đình, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/14/TC/…….. ngày 26/12/2014. Chủ sở hữu tài sản là bị đơn theo GCNQSDĐ số ……..14 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 09/10/2014;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số …….. phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/09/HDTC/…….. ngày 02/11/2009. Chủ sở hữu tài sản là ông Huỳnh Đăng H và bà Trần Cẩm H, theo GCNQSDĐ số …….63 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 26/12/2003. Nghĩa vụ đảm bảo không vượt quá số tiền 10.340.000.000 đồng;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ …… đường Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, theo Hợp đồng thế chấp số 01/10/HĐTC/….. ngày 15/9/2010. Chủ sở hữu tài sản là ông Vũ Tiến T và bà Đào Tú K, theo GCNQSDĐ số …..45 do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 09/12/2009. Nghĩa vụ đảm bảo không vượt quá số tiền 11.652.000.000 đồng;

- Toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của bà Vũ Thị Minh N tại Công ty …. và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 03/2017/HĐTC/CP/….. ngày 26/10/2017, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số …./003 do Công ty … cấp ngày 19/7/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 27/10/2017. (5) Toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của bị đơn tại Công ty …….. và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 01.2018/HĐTC/PVG/…… ngày 11/01/2018. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 12/01/2018;

- 2.853.440 cổ phần thuộc sở hữu của Công ty …….. tại Công ty cổ phần giống gia cầm ……. và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/HĐTC/PCG/…… ngày 27/10/2017, theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ngày 04/11/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 02/11/2017.

- 4.170.487 cổ phần thuộc sở hữu của bị đơn tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi …….. và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/HĐTC/CP/……. ngày 27/10/2017, theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 37 ngày 14/3/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 27/10/2017;

- 3.640.877 cổ phần thuộc sở hữu của bị đơn tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi …… và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 02/2017/HĐTC/CP/…….. ngày 27/10/2017, theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ngày 04/11/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 27/10/2017. Trong trường

hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán khoản nợ thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên, bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm vì trong quá trình xét xử sơ thẩm Tòa án sơ thẩm chưa xem xét thu thập đầy đủ, toàn diện chứng cứ và xác định đúng bản chất của các Hợp đồng bảo đảm trong vụ việc theo quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm chưa vô tư khách quan, chưa giải quyết được vụ án công bằng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và những người có liên quan khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: bị đơn cám ơn nguyên đơn đã giúp đỡ trong việc tạo điều kiện cho bị đơn vay vốn trong một thời gian dài. Bị đơn xác nhận hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc đúng như nguyên đơn khởi kiện. Đối với số tiền lãi trong hạn, bị đơn cho rằng nguyên đơn trong thời gian dịch bệnh vừa qua đã có chính sách giảm lãi cho nhiều khách hàng, nhưng bị đơn không được hưởng chính sách giảm lãi là không bình đẳng, không phù hợp với chính sách của nguyên đơn. Khi có chính sách giảm lãi cho các khách hàng, nguyên đơn phải thông báo cho bị đơn biết, nhưng nguyên đơn đã không làm công việc này. Bị đơn đề nghị nguyên đơn cung cấp các văn bản liên quan đến chính sách giảm lãi cho các khách hàng của nguyên đơn và đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện để giảm lãi cho bị đơn. Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Hội đồng xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giảm lãi cho các khách hàng của nguyên đơn.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần Bản án sơ thẩm về nợ lãi của bị đơn.

Về việc xử lý tài sản của bên thế chấp của bên thứ ba để bảo lãnh cho khoản vay của bị đơn tại nguyên đơn, bị đơn cho rằng đây thực chất là các hợp đồng bảo lãnh, nó chỉ phát sinh hiệu lực khi bị đơn được thông báo trả nợ và không trả được nợ cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần Bản án sơ thẩm liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp của gia đình ông Hy và bà Huệ, ông Trinh và bà Khanh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng nguyên đơn không giảm lãi cho bị đơn vì khoản nợ của bị đơn đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ năm 2018, lĩnh vực kinh doanh của bị đơn không thuộc lĩnh vực được ưu tiên để giảm lãi trong thời điểm dịch bệnh covid của nguyên đơn.

Về hợp đồng thế chấp của bên thứ ba là gia đình ông H, bà H và ông T, bà K là hợp đồng thế chấp theo đúng tên của hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Hai gia đình này không có ý kiến gì và đồng ý dùng tài sản của mình để xử lý cho khoản vay của bị đơn, nên phần trình bày này của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Từ phân tích trên, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Tiến T, bà Đào Tú K trình bày: về khoản nợ gốc và lãi của bị đơn, gia đình ông bà không có ý kiến gì, chỉ mong nguyên đơn xem xét hiện nay ông bà đã già, không còn nơi ở nào khác nên nguyên đơn tạo điều kiện cho gia đình ông bà ổn định cuộc sống.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Trung ương, Công ty cổ phần giống gia cầm ……. và Công ty TNHH …….. trình bày: vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng của nguyên đơn và bị đơn thì ba Công ty không có ý kiến gì và sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định của Hội đồng xét xử. Ba Công ty giữ nguyên các trình bày như tại Tòa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: bị đơn đề nghị hủy một phần Bản án sơ thẩm về lãi trong hạn và tài sản thế chấp của người thứ ba là ông H, bà H và ông T, bà K. Bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm về cách tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến các động sản là các hợp đồng thế chấp các xe ô tô của bị đơn.

Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: nguyên đơn và bị đơn là hai pháp nhân được thành lập hợp pháp. Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa hai doanh nghiệp là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sợ tại huyện Thanh Trì nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Ngày 26/4/2022, Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã mở phiên tòa lần thứ nhất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/KTPT ngày 04/4/2022, do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định ngày mở phiên tòa lần 2 vào ngày 12/5/2022. Ngày 11/5/2022, Luật sư của bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do là chưa kịp nghiên cứu hồ sơ là không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và mới trả được một phần gốc và lãi sau đó bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay cùng khoản tiền lãi là phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và thỏa thuận của các bên trong hợp đồng đã ký kết và có hiệu lực thi hành đối với nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng đã thừa nhận về khoản tiền nợ gốc như nguyên đơn yêu cầu, hai bên không có tranh chấp về khoản tiền này.

Theo các tài liệu chứng cứ trong vụ án được Hội đồng xét xử nhận thấy việc tính lãi của nguyên đơn phù hợp với mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật, bị đơn cũng thừa nhận về việc tính lãi của nguyên đơn và chỉ xin nguyên đơn miễn giảm lãi nên Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở pháp luật. Cụ thể là bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 323.503.748.877 đồng, trong đó nợ gốc là 241.164.464.324 đồng, nợ lãi trong hạn là 64.756.641.633 đồng, lãi quá hạn là 17.582.642.920 đồng (tính đến ngày 28/4/2021) là phù hợp, nên kháng cáo của bị đơn về việc tính lãi quá hạn là không có cơ sở để chấp nhận.

Theo Bản án sơ thẩm thì trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

- Căn hộ ……. khu đô thị Mỹ Đình, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/14/TC/…… ngày 26/12/2014. Chủ sở hữu tài sản là Công ty …….. theo GCNQSDĐ số B……14 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 09/10/2014;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất …….. phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số

01/09/HDTC/…….ngày 02/11/2009. Chủ sở hữu tài sản là ông Huỳnh Đăng và bà Trần Cẩm H, theo GCNQSDĐ số ……63 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 26/12/2003;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ …… đường Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, theo Hợp đồng thế chấp số 01/10/HĐTC/…….. ngày 15/9/2010. Chủ sở hữu tài sản là ông Vũ Tiến T và bà Đào Tú K, theo GCNQSDĐ số ….5 do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 09/12/2009;

- Toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của bà Vũ Thị Minh N tại bị đơn và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 03/2017/HĐTC/CP/…… ngày 26/10/2017, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số DTK/003 do Công ty …… cấp ngày 19/7/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 27/10/2017;

- Toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của bị đơn tại Công ty TNHH ……..và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 01.2018/HĐTC/PVG/…….ngày 11/01/2018. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 12/01/2018;

- 2.853.440 cổ phần thuộc sở hữu của bị đơn tại Công ty cổ phần giống gia cầm ……..và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/HĐTC/PVG/…….. ngày 27/10/2017, theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ngày 04/11/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 02/11/2017;

- 4.170.487 cổ phần thuộc sở hữu của bị đơn tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi …… và toàn bộ quyền phát sinh, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/HĐTC/CP/……. ngày 27/10/2017, theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 37 ngày 14/3/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 27/10/2017. (8) 3.640.877 cổ phần thuộc sở hữu của bị đơn tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi ……. và toàn bộ quyền phát sinh, theo hợp đồng thế chấp số 02/2017/HĐTC/PC/……. ngày 27/10/2017, theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ngày 04/11/2016. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 27/10/2017. Theo thứ tự ưu tiên thanh toán xác định theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch đảm bảo. Toàn bộ số tiền xử lý tài sản không đủ thanh toán khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Hợp đồng thế chấp tài sản của bà Đào Tú K, ông Vũ Tiến T và ông Huỳnh Đăng H, bà Trần Cẩm H đây thực chất là các Hợp đồng bảo lãnh không phải Hợp đồng thế chấp nên chưa phát sinh nghĩa vụ khi nguyên đơn chưa yêu cầu bị đơn trả nợ trước, Hội đồng xét xử thấy hợp đồng các bên ký kết là các Hợp thế chấp tài sản của người thứ ba cho bị đơn vay tiền của nguyên đơn. Nội dung của các Hợp đồng thế chấp không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Về hình thức, thẩm quyền ký hợp đồng hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, các Hợp đồng thế

chấp đều đã được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1, TP Hà Nội. Người ký Hợp đồng thế chấp đúng thẩm quyền, tự nguyện ký kết, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người thế chấp. Tài sản thế chấp đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Do đó, các hợp đồng này có hiệu lực thi hành đối với các bên đương sự, Bản án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ của bà Đào Tú K, ông Vũ Tiến T và ông Huỳnh Đăng H, bà Trần Cẩm H là phù hợp với quy định của pháp luật, bản thân ý chí của các chủ tài sản tại Tòa án sơ thẩm cũng hoàn toàn tự nguyện, sau khi xét xử sơ thẩm các ông bà K, T và H H cũng không có kháng cáo nên trình bày của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo có hiệu lực thi hành. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Do vậy cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Rút kinh nghiệm Tòa án cấp sơ thẩm trong việc viện dẫn văn bản pháp luật, đây là vụ tranh chấp Hợp đồng tín dụng nên phải áp dụng Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết vụ án, không áp dụng Luật thương mại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 293, 294, 298 và 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 342, 343, 344, 347, 348, 349, 350 và 355 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần ……về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2021/KDTM- ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần ……phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền Công ty cổ phần ……. đã nộp tại biên lai số 62115 ngày 26/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
-VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành